

TỪ "BÁO CÁO PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI" NĂM 2006 CỦA LIÊN HỢP QUỐC ĐẾN NHẬN THỨC VỀ "QUYỀN CÓ NƯỚC SẠCH"

Nguyễn Hồng Anh*

Báo cáo Phát triển Con người của Liên hợp quốc (LHQ) năm 2006 "Không chỉ là khan hiếm: Quyền lực, đói nghèo và khủng hoảng nước toàn cầu" đã đưa vấn đề nước và vệ sinh vào chương trình nghị sự toàn cầu và chỉ rõ nguy cơ thế giới đang đứng trước một khủng hoảng về nước và cuộc khủng hoảng này sẽ ngày càng gay gắt trong những năm sắp tới. Báo cáo còn chỉ rõ đối tượng chịu ảnh hưởng nhiều nhất của tình trạng khan hiếm nước sẽ là những người nghèo, người dễ bị tổn thương trong xã hội từ đó đưa ra ba khuyến nghị quan trọng là: (1) Đưa nước trở thành quyền con người cơ bản, (2) Đề ra chiến lược quốc gia về nước và vệ sinh và (3) Tăng cường viện trợ quốc tế. Từ những khuyến nghị này, vấn đề được đặt ra là: vì sao việc tiếp cận với nước sạch được coi là Quyền con người và cơ sở pháp lý nào để đảm bảo Quyền có nước sạch? Đây là những vấn đề chính sẽ được thảo luận trong bài viết này.

Những cảnh báo về tình trạng khan hiếm, khủng hoảng về nước đã được cộng đồng quốc tế đề cập tới nhiều trong những năm gần đây. Từ năm 2003 là năm quốc tế về nước, nhiều nhận định cho rằng "nước có thể là động lực chiến tranh tiếp theo đầu"¹, hay "nước là một vấn đề cấp bách toàn cầu, là động lực cho sự phát triển bền vững và chống đói nghèo"². Báo cáo Phát triển Con người của LHQ năm 2006 - với tiêu đề: "Không chỉ là khan hiếm: Quyền lực, đói nghèo và khủng hoảng nước toàn cầu" - cũng đã đưa vấn đề nước và vệ sinh vào chương trình nghị sự toàn cầu và chỉ rõ nguy cơ thế giới đang đứng trước một khủng hoảng về nước và cuộc khủng hoảng này sẽ ngày càng gay gắt trong

những năm sắp tới. Đặc biệt, báo cáo nêu rõ tình trạng khan hiếm nước sẽ có tác động rất lớn đến người nghèo và những người dễ bị tổn thương trong xã hội từ đó đưa ra ba khuyến nghị quan trọng là: (1) Đưa nước trở thành quyền con người cơ bản, (2) Đề ra chiến lược quốc gia về nước và vệ sinh và (3) Tăng cường viện trợ quốc tế. Từ những vấn đề được thảo luận trong "Báo cáo phát triển con người 2006", câu hỏi đặt ra là: vì sao việc tiếp cận với nước sạch được coi là Quyền con người và cơ sở pháp lý nào để đảm bảo Quyền có nước sạch? Đây là những vấn đề chính sẽ được thảo luận trong bài viết này.

1. Khủng hoảng nước sạch

Chúng ta ai cũng biết nước hết sức cần thiết cho cuộc sống của con người cũng như cho các hoạt động sản xuất và kinh tế trong xã hội. Nguyên Giám đốc của

* ThS.; Viện Nghiên cứu Con người.

¹ Xem *Diễn đàn quốc tế lần thứ III về nước tại Kyoto, Nhật Bản.*

² Như trên (1).

UNESCO, ngài Koichi Matsuura đã từng phát biểu: "Trong tất cả những khủng hoảng xã hội và thiên nhiên mà loài người đang phải đối mặt, khủng hoảng nước nằm trong sự sống còn của chúng ta và của toàn thế giới này"³. Theo báo cáo của cơ quan nghiên cứu phát triển của Anh, khoảng 1,4 tỷ người không được tiếp cận với nước sạch và khoảng gần 2 tỷ người không được hưởng các điều kiện vệ sinh an toàn⁴. Còn theo báo cáo Phát triển con người toàn cầu của LHQ năm 2006, hàng năm, khoảng 1,8 triệu trẻ em chết trên thế giới bởi các bệnh do nước và tình trạng vệ sinh không đảm bảo gây nên. Hàng ngày ở nhiều nước trên thế giới có hàng triệu phụ nữ và trẻ em gái phải đi lấy nước cho gia đình của họ và đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn tới bất bình đẳng giới trong giáo dục và việc làm⁵. Trong vòng 20 năm tới nhu cầu cấp nước cho mỗi người dân giảm chỉ còn khoảng 1/3 so với hiện tại⁶. Các nghiên cứu cũng ước tính đến năm 2025, khoảng 4,4 tỉ người trên thế giới (chiếm khoảng 63% dân số khi đó) có thể phải sống dưới các điều kiện thiếu nước trầm trọng, đặc biệt là khu vực châu Phi, Trung Đông và Đông Nam Á⁷. Như vậy, do hậu quả của gia tăng dân số và

quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên thế giới, nhu cầu về nước đang ở mức báo động. Cuộc khủng hoảng này đã gây ra những cản trở rất lớn đối với phát triển con người, đặc biệt cho quá trình đạt Mục tiêu thiên niên kỷ của các quốc gia. Không chỉ gây khó khăn cho cuộc sống và sinh hoạt của người dân, tình trạng thiếu nước và vệ sinh kém còn đe dọa đến sản xuất và phát triển kinh tế, làm cho tình trạng bất bình đẳng ngày càng trầm trọng hơn và đây cũng chính là nguyên nhân dẫn tới vòng luẩn quẩn của đói nghèo. Chính từ thực tế đó, một trong những thông điệp chính mà Báo cáo phát triển con người 2006 của LHQ muốn chuyển tải chính là việc tiếp cận nguồn nước sạch ở mức giá phải chăng cần phải được coi như là một quyền con người cơ bản. Chính phủ các nước cần phải công nhận quyền này bằng cách đảm bảo cho tất cả mọi công dân được tiếp cận tối thiểu 20 lít nước sạch mỗi ngày, và những ai không có khả năng chi trả sẽ được hưởng nước sạch miễn phí.

2. Cơ sở pháp lý của quyền có nước sạch

Việc công nhận "quyền có nước sạch" là một bước tiến lớn nhằm đảm bảo cho mọi người dân đều có cơ hội tiếp cận với nước sạch bởi lẽ

Trước hết, khi đã coi "quyền có nước sạch" là quyền cơ bản của con người, điều này mặc định rằng nước không chỉ được coi như hàng hóa hay nguồn tài nguyên thiên nhiên, và việc tiếp cận với nước sạch không chỉ được hiểu là sử dụng dịch vụ phúc lợi xã hội mà đã trở thành một *quyền hợp pháp*. "Quyền có nước sạch" đã được cộng đồng quốc tế công nhận và được ghi nhận trong rất nhiều văn bản pháp luật

³ Trích trong UN World Water Development Report, *Water for People, Water for Life*, UN, New York, 2003 (www.wateryear2003.org/en/ev.php).

⁴ Department for International Development, *Addressing the Water Crisis healthier and more productive lives for poor people, Strategies for achieving the international development targets*, DFID, London, 2001, tr. 12.

⁵ Báo cáo Phát triển con người của LHQ năm 2006.

⁶ UN, như trên (3).

⁷ DFID, như trên (4).

quốc tế. Báo cáo của Hội đồng Kinh tế và xã hội của LHQ năm 2004 đã nêu rõ: Quyền có nước sạch "là một trong những quyền con người cơ bản được cộng đồng quốc tế thừa nhận và được coi là một trong những điều kiện tiên quyết cho việc thực hiện những quyền con người khác, ví dụ như "quyền được đảm bảo sức khỏe tốt" và "quyền có lương thực", "quyền có nhà ở"⁸. Nhìn lại lịch sử, quyền có nước sạch đã được cộng đồng quốc tế thừa nhận từ năm 1977, tại Hội nghị Quốc tế về nước tại Mar del Plata "Tất cả mọi người, mọi dân tộc dù đang ở mức phát triển nào và dù đang sống những điều kiện kinh tế và xã hội nào cũng đều có quyền được tiếp cận đầy đủ nước nhằm đáp ứng được nhu cầu cơ bản của họ"⁹. Năm 2001, Hội đồng Bộ trưởng châu Âu đã tuyên bố rằng "Mọi người đều có quyền được có đủ nước để đáp ứng nhu cầu cơ bản của bản thân". Ủy ban LHQ về Quyền con người trong một nghị quyết về rác thải cũng đã thừa nhận quyền có nước sạch đang bị đe dọa nghiêm trọng do các hoạt động vứt bỏ rác thải bất hợp pháp¹⁰

Xem xét một cách khái quát và mở rộng hơn, tiền đề của "quyền có nước sạch" bắt nguồn từ "Quyền được đảm bảo về sức khỏe" - một quyền con người cơ bản được nhắc đến nhiều trong các công ước quốc tế về quyền con người. Chẳng hạn Điều 25, Tuyên bố toàn cầu về nhân quyền năm 1948 (UDHR) quy định rõ: "Tất cả mọi người đều được có quyền có

một cuộc sống thoải mái, được đảm bảo về sức khỏe và một cuộc sống hạnh phúc cho bản thân và gia đình". Điều 12 của Công ước quốc tế về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (ICESCR), Điều 14 của Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt phụ nữ (CEDAW) hay điều 24 của Công ước quốc tế về quyền trẻ em (CRC) đều có những quy định cụ thể về quyền này dựa trên tinh thần của Tuyên bố toàn cầu về Nhân quyền¹¹. Đến năm 2000, Ủy ban LHQ về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa, cơ quan giám sát việc thực hiện Công ước này, đã thông qua Bình luận chung về "quyền được đảm bảo về sức khỏe" giải thích rõ "quyền được đảm bảo về sức khỏe" không chỉ là việc cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe đầy đủ và kịp thời, mà còn được hiểu là việc quan tâm tới các yếu tố để tạo nên sức khỏe tốt. Các yếu tố đó là: được tiếp cận với nguồn nước sạch và vệ sinh an toàn, được cung cấp đầy đủ thức ăn, nhà ở, nghề nghiệp lành mạnh và các điều kiện môi trường tốt, được giáo dục và được tiếp cận với các nguồn thông tin về sức khỏe. Bình luận chung này đã đề cao vai trò của nước sạch trong việc đảm bảo sức khỏe và cuộc sống lành mạnh của con người. Đó chính là những ghi nhận quan trọng để đến năm 2002, Ủy ban này đã công nhận việc tiếp cận nước sạch chính là một "quyền con người" cơ bản. Ủy ban LHQ về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa đã công bố rằng: "quyền có nước sạch là một trong những yếu tố cần thiết nhằm đảm bảo một cuộc sống thoải mái, đặc biệt là khi nước là điều kiện cơ bản nhất đảm bảo sự sống còn của con người"

⁸ Báo cáo của HĐ Kinh tế và xã hội, E/CN.4/Sub.2/2004/20, tr. 8 và 9.

⁹ Liên hợp quốc 1977, trích trong Gleick, Peter, 1999, tr.7.

¹⁰ Malcolm Langford, *Right to water – a latent promise*.

¹¹ WHO, 2003, Báo cáo "Right to water", tr. 8.

Bình luận chung số 15 của LHQ (*General Comment No. 15*) về Công ước quốc tế về Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa là văn kiện chính thức đầu tiên của LHQ quy định khá cụ thể về nội dung cũng như phạm vi đề cập của "Quyền có nước sạch", theo đó: "Quyền có nước sạch" ghi nhận mọi người đều có quyền được thụ hưởng nguồn nước đầy đủ, nguồn nước này phải có khả năng tiếp cận được, an toàn và chấp nhận được với giá cả phù hợp". Bình luận chung số 15 LHQ đã làm rõ các yếu tố của "Quyền có nước sạch" sau đây:

• *Tính sẵn có*: tức là việc cung cấp nước cho mục đích sử dụng cá nhân và hộ gia đình phải được thực hiện đầy đủ và liên tục. Những mục đích sử dụng này gồm nước uống, vệ sinh cá nhân, giặt quần áo, nấu ăn và vệ sinh cho gia đình v.v. Lượng nước cho mỗi người phải phù hợp với các hướng dẫn của tổ chức Y tế thế giới. Thông thường một ngày mỗi người dùng từ 40-50 lít nước sạch, và con số tối thiểu họ phải có được là 20 lít một ngày¹².

• *An toàn và chấp nhận được*: Nước uống và nước dùng cho các hoạt động khác của gia đình phải an toàn. Trong nước không chứa các thành phần hóa học, các chất độc hại đe dọa tới sức khỏe con người. Nước dùng cho các cá nhân và hộ gia đình phải có màu, mùi và vị chấp nhận được. Hướng dẫn về chất

lượng nước uống của WHO có thể được coi là tài liệu cơ bản cho chất lượng nước của các quốc gia.

• *Có khả năng tiếp cận*: Tất cả mọi người đều có thể tiếp cận với nước và các điều kiện và dịch vụ về nước theo pháp luật của mỗi quốc gia thành viên (tham gia ký kết Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa). Tính có thể tiếp cận được hiểu với bốn khía cạnh chính sau:

(i) Tiếp cận trực tiếp nghĩa là nước và các điều kiện và dịch vụ về nước phải đảm bảo tính an toàn cho mọi nhóm dân cư. Nước đầy đủ, an toàn và chấp nhận được phải được đưa đến từng hộ gia đình, các cơ quan giáo dục, công sở và các vùng lân cận¹³;

(ii) Tiếp cận kinh tế: nghĩa là nước và các điều kiện và dịch vụ về nước, cần phải nằm trong khả năng chi trả của mọi người. Các chi phí và giá cả trực tiếp và gián tiếp liên quan đến nước an toàn phải chi trả được và không tổn hại hay đe dọa đến các quyền khác con người khác;

(iii) Tính không phân biệt: Tất cả mọi người, bao gồm các nhóm dễ bị tổn thương và các nhóm thiểu số trong dân cư, theo quy định của pháp luật và trong thực tế, đều được tiếp cận với nước và các điều kiện và dịch vụ về nước mà không chịu sự phân biệt nào;

(iv) Tiếp cận thông tin: Bao gồm các quyền tìm kiếm, tiếp nhận và phổ biến

¹² Xem J. Bartram và G.Howard, "Chất lượng nước sinh hoạt, mức độ dịch vụ và sức khỏe: cái gì nên là mục tiêu đối với nước và các lĩnh vực sức khỏe" WHO, 2002. Xem thêm P.H.Gleick, (1996) "những yêu cầu cơ bản về nước cho hoạt động của con người: đáp ứng những nhu cầu cơ bản", Nước quốc tế, 21, tr.83-92.

¹³ Xem thêm Bình luận chung số 4 (1991), Bình luận chung số 13 (1999), khoản 6(a) và Bình luận chung số 14 (2000), khoản 8 (a) và (b). Hộ gia đình gồm những người sống thường xuyên hoặc bán thường xuyên, hay ở những nơi không ổn định.

thông tin liên quan đến vấn đề về nước.

Như vậy, việc ghi nhận "quyền có nước sạch" trong Bình luận chung số 15 của LHQ về Công ước quốc tế về Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) đã tạo ra phương tiện cũng như cơ chế trong hệ thống quyền con người của LHQ để từ đó có thể giám sát việc thực hiện quyền này đồng thời nâng cao trách nhiệm của các quốc gia thành viên. Điều đó có nghĩa là khi một quốc gia tham gia ký kết ICESCR, quốc gia đó đã bị ràng buộc với nguyên tắc "phải nhận biết một cách tích cực" (*progressive realization*) và nghĩa vụ "tôn trọng, bảo vệ và thực thi đầy đủ" (*respect, protect and fulfil*) quyền có nước sạch của người dân. Việc bị ràng buộc bởi nguyên tắc "phải nhận biết một cách tích cực" sẽ giúp các quốc gia hiểu biết đầy đủ và nhanh chóng về quyền có nước sạch, đồng thời ghi nhận nghĩa vụ của các quốc gia trong việc tổ chức thực hiện quyền này và tất nhiên cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa khác, việc thực hiện "quyền có nước sạch" cần tính đến những hạn chế của những nguồn tài nguyên sẵn có của quốc gia đó. Các quốc gia thành viên khi tham gia ký kết và phê chuẩn Công ước quốc tế về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR) cũng có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ "tôn trọng, bảo vệ và thực thi". Nghĩa vụ *tôn trọng* đòi hỏi chính quyền phải đảm bảo cho các hoạt động của các cơ quan, ban ngành và tổ chức đại diện của quần chúng không được can thiệp vào việc tiếp cận nước sạch của mọi người. Đồng thời quốc gia đó phải ban hành luật, chính sách phù hợp với pháp luật quốc tế để đảm các trường hợp không được can thiệp vào "quyền có nước sạch"

của mọi người. Trong những trường hợp cần có các can thiệp này, mọi người cũng cần được nhận biết được đầy đủ thông tin cũng như các lí do chính đáng, và có cơ hội thảo luận với chính quyền. Nhà nước phải đảm bảo cho người dân không bị đặt trong trường hợp không được tiếp cận với nước sạch. Nghĩa vụ *bảo vệ* được hiểu là chính phủ các quốc gia cần tiến hành những biện pháp khả thi nhằm ngăn chặn bên thứ ba (công ty, tập đoàn hoặc cá nhân) can thiệp vào quyền có nước sạch. Chẳng hạn như các nhà máy thải rác thải hoặc làm ô nhiễm nguồn nước sạch hay các công ty tăng giá nước quá cao so với khả năng chi trả của người dân... Trong những trường hợp này, chính phủ cần có những biện pháp kịp thời nhằm đảm bảo cho người dân được có nước sạch đầy đủ, kịp thời với giá cả phù hợp. Một nghĩa vụ quan trọng của quốc gia thành viên trong việc đảm bảo quyền có nước sạch của người dân là nghĩa vụ *thực thi*. Nghĩa vụ này đòi hỏi chính phủ các quốc gia phải tạo điều kiện cho quyền có nước sạch của mọi người được thực hiện một cách dễ dàng và trong một thời gian sớm nhất. Để làm được việc đó, quyền có nước sạch cần được nhận biết thông qua: (1) thực thi pháp luật, (2) thông qua chiến lược quốc gia về nước sạch và kế hoạch hành động để nhận biết về quyền này; (3) đảm bảo mọi người đều có khả năng tiếp cận với nước sạch, (4) cải thiện và duy trì khả năng tiếp cận với nước sạch, đặc biệt là ở những vùng nông thôn và vùng thành thị gặp nhiều khó khăn về nước. Để làm được việc này thì các quốc gia thành viên phải có những biện pháp thích hợp, chẳng hạn dùng những kỹ thuật phù hợp nhằm giảm giá thành nước, hỗ trợ về thu nhập;

hay đề ra những chương trình và chiến lược về nước nhằm đảm bảo nguồn nước sạch và đầy đủ cho hiện tại và tương lai.

Thứ hai, khi đề cập đến vấn đề "Quyền có nước sạch" đòi hỏi những *quyền lợi và nghĩa vụ, trách nhiệm nhất định* từ phía người sử dụng nước và chính quyền. "Quyền có nước sạch" không có nghĩa là mọi người đều được hưởng nước miễn phí. "Quyền có nước sạch" đòi hỏi những quyền lợi và nghĩa vụ nhất định từ cả phía người dân và chính quyền. Bởi lẽ, nước là nguồn tài nguyên thiên nhiên quý giá, nên ngoài việc được hưởng nguồn tài nguyên này, người sử dụng nước cũng phải có trách nhiệm bảo vệ nguồn nước và tiết kiệm nước. Ngược lại, chính phủ của các quốc gia và các cơ quan, đoàn thể liên quan có nghĩa vụ đề ra cách thức quản lý nguồn nước phù hợp, đồng thời được đề xuất những yêu cầu nhất định đối với người dân, cũng như kêu gọi sự giúp đỡ của cộng đồng quốc tế để bảo vệ nguồn nước.

Theo báo cáo của Hội đồng quốc tế về nước (World Water Council) (2006), người dùng nước có những *quyền lợi* sau đây: quyền được lấy nước miễn phí từ các nguồn tài nguyên thiên nhiên và tiếp cận với nước sạch; được hưởng dịch vụ nước sạch và vệ sinh an toàn với giá cả phù hợp trong phạm vi nhất định; được cung cấp nước sạch trong những trường hợp khẩn cấp; người nghèo được quyền lắp đặt các hệ thống nước và vệ sinh công cộng với giá cả hợp lý; đảm bảo cho người dân được tiếp cận với thông tin, được tham vấn, tham gia và quyền tiến hành các thủ tục pháp lý; được phổ biến các thông tin về quyền có nước sạch và vệ sinh. Bên cạnh những quyền lợi được

hưởng đó, người dùng nước có *nghĩa vụ*: không được lãng phí nước; không làm ô nhiễm nguồn nước; phải thanh toán đầy đủ cho các dịch vụ nước, bao gồm cả phí và thuế; hợp tác với các cơ quan ban ngành cung cấp dịch vụ nước; nhận biết và thực hiện quyền của mình đồng thời giám sát các hoạt động của cơ quan công quyền. Tuy nhiên, việc nhận biết và thực thi các quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng nước chỉ có thể được coi là điều kiện cần để bảo vệ nguồn nước. Bởi lẽ, theo phân tích về nguyên nhân gây ra tình trạng khan hiếm nước trong phần trước, ngoài những nguyên nhân khách quan như thiên tai, con người phải đối mặt với tình trạng khủng hoảng nước do nhiều nguyên nhân khách quan như cách quản lý còn yếu kém hay những trở ngại về tài chính, chính sách về quản lý nguồn nước. Chính vì lẽ đó, việc nhận biết về những quyền và nghĩa vụ của chính phủ cũng như các cơ quan ban ngành liên quan đến việc quản lý nguồn nước là cần thiết.

Kết luận

Như vậy, nhận biết về "quyền có nước sạch" để có những hiểu biết chính xác, đúng đắn về quyền này là rất cần thiết. Cũng như các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa khác, việc thực hiện quyền có nước sạch cần lưu ý tới những hạn chế của nguồn tài nguyên sẵn có của quốc gia. Đặc biệt, khi xem xét liệu một người có được hưởng quyền có nước sạch, cần phải tính đến các yếu tố cấu thành nên quyền này. Đó là khả năng của cá nhân hay cộng đồng đó trong việc tiếp cận với nguồn nước an toàn, với giá cả hợp lý và khối lượng nước đầy đủ. Từ những phân tích trên đây có thể thấy rằng việc nhận biết về "quyền có nước sạch" từ phía

chính quyền cũng như người dân sẽ có vai trò rất lớn trong việc hỗ trợ, bảo vệ nguồn tài nguyên phong phú này cũng như đảm bảo cho người dân có nhiều cơ hội hơn trong việc tiếp cận với nước sạch. Khi nói đến “quyền có nước sạch” thì việc tiếp cận với nguồn nước sạch phải được hiểu là quyền lợi hợp pháp, chứ không chỉ nên hiểu “nước” như là hàng hóa hoặc dịch vụ phúc lợi xã hội. Điều đó có nghĩa là cộng đồng quốc tế, chính phủ và các chủ thể phi nhà nước đều có trách nhiệm tăng cường và nâng cao khả năng tiếp cận với nước sạch cho người dân, đồng thời bảo đảm rằng bất bình đẳng trong việc tiếp cận với nước sạch sẽ được hạn chế, cho phép những nhóm người và cộng đồng dễ bị tổn thương có cơ hội để tham gia vào quá trình quyết định chính sách liên quan đến lợi ích của nhóm. Để làm được việc này, chính phủ của các quốc gia phải có những hoạt động ưu tiên nhằm phổ biến rộng rãi về “quyền có nước sạch” từ đó phát triển nguồn nhân lực và tài chính cho hoạt động này.

Tài liệu tham khảo

Bartram J. và Howard G., *Domestic water quantity, service level and health*, WHO, 2003.

Báo cáo của HĐ Kinh tế và xã hội, E/CN.4/ Sub.2/2004/20.

Department for International Development, *Addressing the Water*

Crisis healthier and more productive lives for poor people, Strategies for achieving the international development targets, DFID, London, 2001.

Diễn đàn quốc tế lần thứ III về nước tại Kyoto, Nhật Bản, tải xuống từ http://www.nea.gov.vn/thongtintmt/noidung/sg1_17_3_03.htm.

Dubreuil, Celine, *The right to water: From concept to implementation*, World Water Council, 2006.

Gleick, Peter, *The human right to water, Water Policy 1* (1998), 487-503.

Malcolm Langford, *Right to water – a latent promise*, download from <http://www.bvsde.paho.org/bvsacd/cd25/langford.pdf>.

ICESCR (Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa), *Bình luận chung số 4* (General Comment 4) năm 1991.

ICESCR (Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa), *Bình luận chung số 13* (General Comment 13) năm 1999.

ICESCR (Ủy ban các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa), *Bình luận chung số 14* (General Comment 14) năm 2000.

UN World Water Development Report, *Water for People, Water for Life*, UN, New York, 2003 (www.wateryear2003.org/en/ev.php).

UNDP, *Báo cáo Phát triển con người toàn cầu của LHQ năm 2006*.

WHO, 2003, Report *Right to water*, download from http://www.who.int/water_sanitation_health/rightwater/en/.